TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH K** **THÀNH PHỐ CẦN T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2018/QĐST-HNGĐ	*Ninh K, ngày 12 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN T TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 617/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017, giữa:

** Nguyên đơn:*

Bà **Võ Thị Hồng T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 72/15 đường Nguyễn Thị Minh K, phường An L, quận Ninh K, thành phố Cần T.

Địa chỉ liên hệ: Số 219B khu vực 2, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần T.

**Bị đơn:*

Ông **Lâm Thái H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 72/15 đường Nguyễn Thị Minh K, phường An L, quận Ninh K, thành phố Cần T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, điều 57, điều 81, điều 82, điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc T tình ly hôn và thoả T của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự T tình ly hôn giữa: Bà Võ Thị Hồng T và ông Lâm Thái H.

2. Công nhận sự thoả T của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Võ Thị Hồng T và ông Lâm Thái H đồng T ly hôn.

Con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Lâm Thái T (Nam), sinh ngày 27/9/2004 và Lâm Thị T P (Nữ), sinh ngày 21/02/2009. Ông H đồng ý giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng và cấp dưỡng khi có điều kiện. Bà T xin nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Theo bản tự K 02 cháu sống với mẹ.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí HNST: Bà T và ông H mỗi người phải chịu 75.000đồng tiền án phí hôn nhân. Bà T tự nguyện nộp thay cho ông H 75.000đồng tiền án phí hôn nhân. Bà T đã tạm ứng 300.000đồng nên đồng ý cấn trừ tiền án phí hôn nhân bà T được nhận lại 150.000đồng theo biên lai T số 004110 ngày 18/07/2017.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường An L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

VÕ HỒNG T